

Số: 860/BVĐKĐG-VTTB

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2025

V/v: Mời chào giá vật tư y tế

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu: Hóa chất xét nghiệm huyết học

Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp, quan tâm chào giá, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Đức Giang - Số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội.
- Mọi thông tin cần liên hệ về báo giá: DS.Nguyễn Thị Phương Nhung – Phòng Vật tư thiết bị - ĐT: 038.6922.866 hoặc số 024 3871.1751 để được hỗ trợ
- Báo giá (Theo mẫu phụ lục II đính kèm)

Được tiếp nhận theo các hình thức sau :

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư – tầng 1 nhà A, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội.
 - Nhận qua Email: vtbtytducgiang@gmail.com.
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 13 h ngày 13 tháng 5 năm 2025 đến trước 17 h ngày 23 tháng 5 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế (Kèm theo phụ lục I).
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư y tế, Bệnh viện đa khoa Đức Giang, số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.
- Thời gian giao hàng dự kiến:

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng : Không tạm ứng, thanh toán theo từng đợt, sau khi thực hiện hợp đồng và đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!.

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Lưu VTTB.



GIÁM ĐỐC 

Nguyễn Văn Thường

DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Thông số kỹ thuật - Quy cách	Số lượng
I	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy ACL TOP			
1	Hóa chất định lượng yếu tố XIII	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định kháng nguyên yếu tố XIII theo phương pháp miễn dịch. Thời gian ổn định ≥ 30 ngày ở nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 4 ngày ở trên máy. Hộp $\geq (2 \times 2.5 \text{ mL} + 2 \times 5 \text{ mL} + 2 \times 6 \text{ mL})$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1
2	Hóa chất định lượng yếu tố II	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng hoạt tính của yếu tố II. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ. Hộp $\geq 10 \text{ mL}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1
3	Hóa chất định lượng yếu tố V	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định hoạt độ của yếu tố V. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ. Hộp $\geq 10 \text{ mL}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1
4	Hóa chất định lượng yếu tố V Leiden đột biến trên máy phân tích đông máu	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định mức độ kháng Protein C đã hoạt hóa (Yếu tố V đột biến). Dạng Lông và bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ. Hộp $\geq 28 \text{ mL}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1
5	Hóa chất định lượng yếu tố VII	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định hoạt độ của yếu tố VII. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ. Hộp $\geq 10 \text{ mL}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1
6	Hóa chất định lượng yếu tố X	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định hoạt độ của yếu tố X. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ. Hộp $\geq 10 \text{ mL}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1
7	Hóa chất định lượng yếu tố XI	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định hoạt độ của yếu tố XI. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ. Hộp $\geq 10 \text{ mL}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1
8	Hóa chất định lượng yếu tố XII	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định hoạt độ của yếu tố XII. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ. Hộp $\geq 10 \text{ mL}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1
9	Chất kiểm chuẩn âm tính kháng đông Lupus	Hộp	Chất kiểm chuẩn mức âm tính dùng cho xét nghiệm kháng đông Lupus (LA) trên máy phân tích đông máu. Hộp $\geq 10 \text{ mL}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1
10	Chất kiểm chuẩn dương tính kháng đông Lupus	Hộp	Chất kiểm chuẩn mức âm tính dùng cho xét nghiệm kháng đông Lupus (LA) trên máy phân tích đông máu. Hộp $\geq 10 \text{ mL}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1
11	Hóa chất định lượng yếu tố IX	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định hoạt độ của yếu tố IX. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ. Hộp $\geq 10 \text{ mL}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	2
12	Hóa chất định lượng yếu tố VIII	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định hoạt độ của yếu tố VIII. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ. Hộp $\geq 10 \text{ mL}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	2
13	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Anti Xa	Hộp	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm đông máu anti-Xa ở ≥ 3 mức. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 2 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 1 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy. Hộp $\geq (3 \times 1 \text{ mL} + 3 \times 1 \text{ mL} + 3 \times 1 \text{ mL})$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	2
14	Hóa chất định lượng Anti Xa	Hộp	Hóa chất dùng để định lượng nồng độ chất ức chế trực tiếp yếu tố Xa theo phương pháp so màu. Dạng lỏng. Thời gian ổn định hóa chất ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 7 ngày nhiệt độ 15 độ C. Hộp $\geq (5 \times 3 \text{ mL} + 5 \times 2.5 \text{ mL})$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	2

15	Hóa chất dùng cho xét nghiệm kháng định phát hiện kháng đông Lupus (LA) theo phương pháp thời gian nọc rắn Russell pha loãng	Hộp	Hóa chất dùng để xác định kháng đông Lupus (LA) theo phương pháp pha loãng nọc rắn. Dạng bột khô. Thời gian ổn định ≥ 15 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 3 ngày nhiệt độ 15 độ C. Hộp $\geq 10 \times 2 \text{ml}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	3
16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm sàng lọc phát hiện kháng đông Lupus (LA) theo phương pháp thời gian nọc rắn Russell pha loãng	Hộp	Hóa chất dùng để sàng lọc kháng đông Lupus (LA) theo phương pháp pha loãng nọc rắn. Dạng bột khô. Thời gian ổn định ≥ 15 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 3 ngày nhiệt độ 15 độ C. Hộp $\geq 10 \times 2 \text{ml}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	3
17	Hóa chất định lượng Protein S tự do	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định Protein S tự do theo phương pháp miễn dịch. Dạng Bột khô và chất đệm. Thời gian ổn định Hóa chất latex ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 7 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy. Hộp $\geq (3 \times 4 \text{ml} + 3 \times 4 \text{ml} + 3 \times 2 \text{ml})$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	3
18	Hóa chất định lượng Protein C	Hộp	Hóa chất dùng để xác định xét nghiệm Protein C theo phương pháp so màu. Dạng Bột khô và chất đệm. Thời gian ổn định Hóa chất Protein C ≥ 90 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 5 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy. Hộp $\geq (2 \times 2.5 \text{ml} + 2 \times 2.5 \text{ml} + 1 \times 8 \text{ml})$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	3
19	Chất chuẩn dùng cho các xét nghiệm đông máu	Hộp	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm đông máu như Fibrinogen, các loại yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ nhiệt độ 2-8 độ C với xét nghiệm Fibrinogen..., ≥ 8 giờ nhiệt độ 2-8 độ C với các xét nghiệm yếu tố. Hộp $\geq 10 \times 1 \text{ml}$ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	5
20	Chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng D-Dimer	Hộp	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng D-Dimer dài đo bình thường và dài đo bất thường. Dạng Lông. Thời gian ổn định ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ, ≥ 24 giờ nhiệt độ 15 độ trên máy. Hộp $\geq (5 \times 1 \text{ml} + 5 \times 1 \text{ml})$	6
21	Chất kiểm chuẩn mức bất thường thấp dùng cho các xét nghiệm đông máu	Hộp	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dài đo bất thường thấp. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ với xét nghiệm PT, APTT, Fibrinogen, TT. Hộp $\geq 10 \times 1 \text{ml}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	20
22	Chất kiểm chuẩn mức bình thường dùng cho các xét nghiệm đông máu	Hộp	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dài đo bình thường Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ với xét nghiệm PT, APTT, Fibrinogen, TT. Hộp $\geq 10 \times 1 \text{ml}$ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	20
23	Dung dịch làm sạch và tẩy nhiễm	Hộp	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần dung dịch natri hypoclorit chứa.. Hộp $\geq 80 \text{ml}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	40
24	Hóa chất dùng để pha loãng chất chuẩn máy	Hộp	Hóa chất dùng để pha loãng xét nghiệm chuẩn máy trên hệ thống đông máu. Dạng lỏng. Hộp $\geq 100 \text{ml}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	40
25	Hóa chất định lượng Fibrinogen-Clauss	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen-Clauss. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 7 ngày. Hộp $\geq 50 \text{ml}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	40
26	Hóa chất đo thời gian APTT	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride. Dạng lỏng. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 10 ngày nhiệt độ 15 độ C. Hộp $\geq (5 \times 10 \text{ml} + 5 \times 10 \text{ml})$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	40
27	Hóa chất đo thời gian PT	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian PT. Hoá chất với độ nhạy ISI trung bình đạt 1,00 và độ nhạy với Heparin $\leq 1,0 \text{ U/ml}$. Dạng bột khô và chất đệm pha loãng. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) ≥ 10 ngày ở nhiệt độ 2-8 độ C và ≥ 10 ngày ở 15 độ C. Hộp $\geq (5 \times 20 \text{ml} + 5 \times 20 \text{ml})$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	60

28	Công phản ứng máy đông máu	Hộp	Dạng nhựa rắn 4 công liên khối trên một thanh. Hộp: ≥ 2.400 cuvette. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	80
29	Dung dịch dùng để làm sạch	Hộp	Thành phần Acid clohydric 100 mmol/l. Dạng lỏng. Hộp ≥ 500 ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	80
30	Hóa chất định lượng D-Dimer	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng D-Dimer theo phương pháp miễn dịch độ đục, loại trừ thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch (VTE) Ngưỡng ≥ 500 ng/ml, độ nhạy $\geq 99,9\%$, độ đặc hiệu $\geq 40\%$, độ tuyến tính $\geq 215 - 128000$ ng/ml (chế độ auto rerun). Hóa chất kèm theo chất đệm (hoặc chất pha loãng) và chất chuẩn. Dạng lỏng. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp): hóa chất Latex ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 7 ngày nhiệt độ 15 độ C. Hộp $\geq (3 \times 4 \text{ml} + 3 \times 6 \text{ml} + 2 \times 1 \text{ml})$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	100
31	Dung dịch dùng để súc rửa	Bình	Thành phần 2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride (Methylisothiazolinone hydrochloride). Dạng lỏng. Bình ≥ 4000 ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	360
32	Hóa chất định lượng Antithrombin	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Antithrombin theo phương pháp so màu. Dạng đồng khô và dạng lỏng. Thời gian ổn định Hóa chất Factor Xa ≥ 35 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 2 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy. Hộp $\geq (4 \times 4.5 \text{ml} + 4 \times 4.5 \text{ml})$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	3
II	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy UniCel DxH			
33	Chất kiểm chuẩn máy dùng hiệu chỉnh thông số VCS	Lọ	Sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động kết hợp các hóa chất phân tích để theo dõi giá trị phép đo các thông số về thể tích, độ dẫn, tán xạ. Thành phần: một dung dịch chứa các hạt nhựa polystyrene trong chất đệm chứa chất hoạt tính bề mặt. Lọ ≥ 4 ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	2
34	Chất chuẩn máy	Hộp	Dùng để xác định hệ số hiệu chuẩn trên hệ thống phân tích tế bào tự động được liệt kê trong bảng trong tờ insert, kết hợp với thuốc thử cụ thể. Thành phần: gồm hồng cầu người, thành phần có kích thước tiêu cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương hồng cầu cố định được thêm vào để mô phỏng bạch cầu. Hộp $\geq 1 \times 3.3 \text{ml}$ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1
35	Chất kiểm chuẩn	Hộp	Sử dụng để theo dõi giám sát hiệu năng của máy huyết học. Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, thành phần giống tiêu cầu và hồng cầu cố định mô phỏng bạch cầu và hồng cầu có nhân. Hộp $\geq (4 \times 3.5 \text{ml Level I; } 4 \times 3.5 \text{ml Level II; } 4 \times 3.5 \text{ml Level III})$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	12
36	Chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học	Bộ	Chất kiểm chuẩn được sử dụng để giám sát hiệu năng của máy xét nghiệm huyết học tự động (có hỗ trợ chẩn đoán sớm Nhiễm Khuẩn Huyết). Độ ổn định sau mở nắp tối thiểu 16 ngày. Bộ ≥ 10.5 ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	24
37	Dung dịch rửa	Hộp	Sử dụng làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích tế bào tự động khi tiếp xúc với máu. Thành phần: Dung dịch chứa enzym phân giải protein. Hộp ≥ 10 lít. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	40
38	Dung dịch ly giải	Hộp	Chất ly giải hồng cầu để định lượng lượng hemoglobin, đếm NRBC, đếm và định cỡ bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào huyết học. Thành phần: Quaternary Ammonium Salts, Sodium Sulfite. Hộp ≥ 5 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	30
39	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu)	Hộp	Hóa chất ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu tạo mẫu để thực hiện xét nghiệm phân tích công thức bạch cầu (tối thiểu 5 thành phần) bằng công nghệ tích hợp các phương pháp đo (thể tích, độ dẫn điện, tán xạ đa kênh) trên hệ thống máy phân tích tế bào tự động. Thành phần gồm hai loại hóa chất: chất ly giải hồng cầu và hóa chất ổn định bạch cầu. Hộp $\geq (1900 \text{ml} + 850 \text{ml})$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	60
40	Dung dịch pha loãng	Hộp	Sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng đẳng trương kết hợp với một tác nhân ly giải dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động. Thành phần: Imidazole, không chứa cyanide. Hộp ≥ 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	840

III	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy XN1000		
41	Dung dịch đo nồng độ Hemoglobin	Hộp	Thuốc thử xác định nồng độ hemoglobin trong máu trên các máy xét nghiệm huyết học tự động. Thành phần: Sodium lauryl sulfate 1.7 g/L Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hộp: $\geq 3 \times 500$ ml
42	Dung dịch kiểm mạnh rửa hệ thống bán tự động	Hộp	Dung dịch kiểm mạnh rửa hệ thống. Thành phần: Sodium Hypochlorite (chứa clo tỷ lệ 5,0%). Ổn định sau mở nắp trong vòng 60 ngày Tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hộp: ≥ 50 ml
43	Dung dịch kiểm mạnh rửa hệ thống tự động	Hộp	Được sử dụng như một chất tẩy rửa có tính kiểm mạnh để loại bỏ các thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: Sodium Hypochlorite (có chứa clo tỷ lệ 5,0%). Tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hộp: $\geq 20 \times 4$ ml
44	Dung dịch ly giải đếm số lượng bạch cầu kênh WDF	Thùng	Là hóa chất ly giải dùng cho máy phân tích huyết học tự động, dùng để đếm số lượng và tỷ lệ phần trăm bạch cầu trung tính, bạch cầu lympho, bạch cầu mono, và bạch cầu ưa axit. Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.07%, Nonionic surfactant 0.17% Tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động Ổn định sau mở nắp 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thùng: $\geq 1 \times 5$ L
45	Dung dịch ly giải đếm số lượng bạch cầu kênh WNR	Thùng	Là chất ly giải dùng cho máy huyết học tự động, dùng để đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân. Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.20%; Nonionic surfactant 0.10%. Tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Ổn định sau mở nắp trong vòng 60 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thùng: $\geq 1 \times 5$ L
46	Dung dịch pha loãng	Thùng	Là hoá chất dùng để đo số lượng và kích cỡ của hồng cầu và tiểu cầu bằng việc tập trung năng lượng thủy động, có thể dùng kết hợp với chất ly giải để xác định nồng độ huyết sắc tố (hemoglobin), và dùng để phân tích nồng độ huyết sắc tố (hemoglobin). Thành phần: Sodium chloride 0.7%; Tris buffer 0.2%; EDTA-2K 0.02% Tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Thùng: $\geq 1 \times 20$ L
47	Hóa chất nhuộm các tế bào nhân	Hộp	Được sử dụng để đánh dấu các tế bào có nhân trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải để xác định số lượng bạch cầu, số lượng tế bào hồng cầu có nhân và số lượng bạch cầu ái kiềm. Thành phần: Polymethine 0.005%, Ethylene glycol 99.9% Bảo quản: chưa mở nắp có độ ổn định lên đến 12 tháng kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở nhiệt độ 2-35°C nơi tối. 90 ngày kể từ ngày mở nắp.

		Tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động Ôn định sau mở nắp 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp: $\geq 2 \times 82 \text{ml}$	
48	Hóa chất nhuộm tế bào hồng cầu lưới	Hộp Được sử dụng để đánh dấu hồng cầu lưới trong các mẫu máu đã được pha loãng nhằm xác định số lượng hồng cầu lưới, tỷ lệ phần trăm hồng cầu lưới và số lượng tiểu cầu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động. Thành phần: Polymethine 0.03 %, Methanol 7.9 %, Ethylene glycol 92.0 % Tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động. Ôn định của hóa chất sau mở nắp 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp: $\geq 2 \times 12 \text{ml}$	8
49	Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes	Hộp Được sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes Thành phần: Polymethine 0.002 %, Methanol 3.0 %, Ethylene glycol 96.9 % Tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động Bảo quản: chưa mở nắp ô nhiễm 12 tháng kể từ ngày sản xuất và được bảo quản ở nhiệt độ 2-35°C ở nơi tối. Khi đã mở nắp và gắn trên máy, ổn định trong 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp: $\geq 2 \times 42 \text{ml}$	40
50	Hóa chất sử dụng trong phân tích hồng cầu lưới và trong phân tích tiểu cầu	Hộp Thuốc thử được sử dụng kết hợp với chất nhuộm cho mục đích phân tích hồng cầu lưới hoặc bằng phương pháp đếm tế bào dòng chảy sử dụng laser bán dẫn. Thành phần chứa: đệm Tricine 0.17% Tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp: $\geq 1 \text{L} \times 1$	5
51	Chất chuẩn máy	Bộ Được sử dụng như vật liệu kiểm soát 3 mức: level 1, level 2, level 3 cho công thức máu toàn phần, phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu nhân trên máy huyết học tự động. Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu, bạch cầu, hồng cầu nhân và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: L1: $\geq 1 \times 3 \text{ml}$; L2: $\geq 1 \times 3 \text{ml}$; L3: $\geq 1 \times 3 \text{ml}$	22
52	Chất hiệu chuẩn	Lọ Là chất hiệu chuẩn cho các dòng máy huyết học tự động. Được thiết kế cho hiệu chuẩn và xác nhận hiệu chuẩn cho các thông số WBC, RBC, HGB, HCT, PLT và RET. Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và hồng cầu nhân ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA Hộp: $\geq 1 \times 3 \text{ml}$	3
53	Bơm chân không	Cái Bơm chân không Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	1
54	Kim hút mẫu huyết học	Cái Kim hút mẫu huyết học Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	5

IV	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy máu lắng		
55	Thẻ đo tốc độ máu lắng Test Card, 1000 Tests	Cái	Thẻ kiểm tra Alcor Scientific Inc. Được thiết kế để sử dụng riêng trên iSED và miniSED, nhằm mục đích xử lý và phân tích các mẫu Chất liệu: Polyvinyl Chloride (PVC) Tương thích với máy đo tốc độ máu lắng miniSED Quy cách: 1000 Tests/cái Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
56	Chất chuẩn máy đo tốc độ máu lắng Seditol	Hộp	Thành phần, nồng độ: gồm các tế bào hồng cầu ổn định của con người lơ lửng trong một chất đệm lỏng và chất bảo quản. Ổn định sau mở nắp trong vòng 60 ngày Đóng gói: $\geq 2 \times 4\text{ml}$ Tương thích với máy đo tốc độ máu lắng miniSED Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
57	Dung dịch rửa cho máy máu lắng miniWASH	Hộp	Thành phần: Nước siêu tinh khiết loại I Lọ đựng: Polyethylene mật độ cao (HDPE) Tương thích với máy đo tốc độ máu lắng miniSED Quy cách: $\geq 4 \times 250\text{ ml}$ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
V	Gelcard định nhóm máu		
58	Gelcard định nhóm máu trẻ sơ sinh	Thẻ	Gelcard xét nghiệm định tính định nhóm máu hệ ABO và Rh và Coombs trực tiếp cho trẻ sơ sinh. - Card 6 giếng. - Phân tích được trên hệ thống bán tự động gel (máy ly tâm, máy đọc, máy ủ) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
59	Gelcard xét nghiệm sàng lọc, định danh kháng thể bất thường và làm phản ứng hòa hợp.	Thẻ	Gelcard môi trường AntiHuman Globulin (AHG) xét nghiệm sàng lọc, định danh kháng thể bất thường và làm phản ứng hòa hợp. - Card 6 giếng. - Phân tích được trên hệ thống bán tự động gel (máy ly tâm, máy đọc, máy ủ) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
60	Gelcard xét nghiệm trong môi trường muối	Thẻ	Gelcard môi trường nước muối xét nghiệm định tính sàng lọc, định danh kháng thể bất thường, hòa hợp miễn dịch phát máu và định nhóm máu hệ ABO theo phương pháp hồng cầu mẫu. - Card 6 giếng. - Phân tích được trên hệ thống bán tự động gel (máy ly tâm, máy đọc, máy ủ) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
61	Gelcard định nhóm máu bằng 2 phương pháp huyết thanh và hồng cầu mẫu	Thẻ	Gelcard xét nghiệm định tính định nhóm máu hệ ABO và Rh theo phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu có giếng control tự chứng. - Card 6 giếng. - Phân tích được trên hệ thống bán tự động gel (máy ly tâm, máy đọc, máy ủ) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
62	Dung dịch lực ion yếu pha loãng hồng cầu	Chai	Dung dịch lực ion yếu pha loãng hồng cầu dùng trong xét nghiệm huyết thanh học nhóm máu trên gelcard. Chai $\geq 500\text{ml}$ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485

Tên công ty báo giá

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi :{ Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá }

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau :

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan :

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Cấu hình kĩ thuật báo giá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chỉ phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.